

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM AN SINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM AN SINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN SINH FOOD AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN SINH FOOD AGRICULTURE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301233040

**3. Ngày thành lập:** 14/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0985750583

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Chi tiết : Đại lý bán hàng hóa)                         | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                         | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                 | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                             | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                               | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                             | 4649        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                              | 4669        |
| 8.  | Trồng lúa                                                                                      | 0111        |
| 9.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                        | 0112        |
| 10. | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                   | 0113        |
| 11. | Trồng cây mía                                                                                  | 0114        |
| 12. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa<br>(Chi tiết: - Trồng rau các loại - Trồng các loại nấm.) | 0118(Chính) |
| 13. | Trồng cây hàng năm khác                                                                        | 0119        |
| 14. | Trồng cây ăn quả                                                                               | 0121        |
| 15. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                        | 0128        |
| 16. | Trồng cây lâu năm khác                                                                         | 0129        |
| 17. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                            | 0131        |
| 18. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                             | 0132        |
| 19. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                  | 0150        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                   | 0161        |

|     |                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                            | 0162 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                        | 0163 |
| 23. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                          | 0164 |
| 24. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ<br>(Chi tiết: Chi tiết: - Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên; - Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên...) | 0232 |
| 25. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                                                                                | 0311 |
| 26. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                             | 0312 |
| 27. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                               | 0321 |
| 28. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                            | 0322 |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                              | 8230 |
| 30. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                       | 8292 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh)                                                                                | 8299 |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 33. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 34. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                      | 4690 |
| 35. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                   | 4711 |
| 36. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                     | 4719 |
| 37. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                      | 4721 |
| 38. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4722 |
| 39. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4723 |
| 40. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                        | 1010 |
| 41. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                | 1020 |
| 42. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                           | 1030 |
| 43. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                       | 4781 |
| 44. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                           | 4791 |
| 45. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                      | 4799 |
| 46. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 47. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                               | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 14/02/2023 đến ngày 16/03/2023

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN HẢI | Thôn Đại Lâm,<br>Xã Tam Đa,<br>Huyện Yên<br>Phong, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 135.000       | 1.350.000.000            | 45,000       | 125548576                                                                                                              |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 135.000       | 1.350.000.000            | 45,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM VĂN<br>DŨNG  | Tổ 49, Phường<br>Hoà Phát, Quận<br>Cẩm Lệ, Thành<br>phố Đà Nẵng,<br>Việt Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 20,000       | 0010710250<br>33                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                  |                           |         |               |        |          |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|----------|
| 3 | PHẠM THANH TÂM | Thôn Trục Mỹ, Xã Yên Cường, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 105.000 | 1.050.000.000 | 35,000 | C1357477 |
|   |                |                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |          |
|   |                |                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |          |
|   |                |                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |          |
|   |                |                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |          |
|   |                |                                                                  | Tổng số                   | 105.000 | 1.050.000.000 | 35,000 |          |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THANH TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C1357477

Ngày cấp: 07/03/2016

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: Thôn Trục Mỹ, Xã Yên Cường, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trục Mỹ, Xã Yên Cường, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh